

Bản án số: 31/2023/HS-ST
Ngày 27-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Ngọc Anh

Bà Trương Thị An

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng và tại điểm cầu thành phần: Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 29/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Đồng Văn H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Xuân N và bà Phạm Thị L; chưa có vợ, con; tiền án: 01, Bản án số 55/2020/HS-ST ngày 22-10-2020 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: 01, Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 20/2020/QĐ-TA ngày 12-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng, thời gian cai nghiện bắt buộc 18 tháng (bị cáo chưa chấp hành); bị tạm giữ từ ngày 13-4-2023, đến ngày 16-4-2023 chuyển tạm giam; có mặt.

- **Bị hại:** Bà Đào Thị T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Bà Mai Thị N, có mặt;

2. Ông Phạm Hữu T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 40 phút, ngày 28-12-2022, bị cáo Đồng Văn H đi bộ từ nhà ở Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng đến nhà bà Đào Thị T ở Thôn T, xã A, huyện A để chơi. Đến cổng, bị cáo gọi bà T nhưng không ai trả lời. Lúc này, bà T đang gọi đầu cho khách phía sau nhà nên không biết bị cáo đến. Thấy quán cắt tóc của chị T đang mở cửa, bị cáo đi vào thì thấy trên mặt bàn để dụng cụ làm tóc có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG loại A30 đang bật nhạc. Bị cáo tắt nhạc, lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần đang mặc rồi đi ra ngoài. Gặp ông Phạm Hữu T ở gần quán cắt tóc của bà T, bị cáo đứng nói chuyện với ông T rồi sau đó đi về nhà. Sau khi gọi đầu cho khách xong, bà T phát hiện bị mất điện thoại nên trình báo Công an xã A. Tiến hành kiểm tra camera của nhà ông Nguyễn Văn H, cạnh nhà bà T và qua xác minh, cơ quan Công an tiến hành kiểm tra và thu giữ trong túi áo ngực phía trước bị cáo đang mặc chiếc điện thoại mà bị cáo đã lấy trong nhà bà T nêu trên.

Kết luận định giá tài sản số 03/KL-ĐG ngày 13-01-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Lão kết luận: Chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt của bà Thủy trị giá 1.300.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc điện thoại di động nêu trên cho bà T. Bà T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường hoặc thực hiện trách nhiệm dân sự khác.

Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 08-6-2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản, theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về nội dung Cáo trạng, thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản đúng như Cáo trạng đã nêu; xác nhận việc điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo là không oan sai; trong quá trình điều tra, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát luận tội:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG loại A30 của bà T vào khoảng 13 giờ 50 phút, ngày 28-12-2022, tại nhà bà T ở Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 1.300.000 đồng nhưng bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bí mật, lén lút chiếm đoạt, do đó lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 173 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, các điểm h và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Bà T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên đề nghị không giải quyết.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; thừa nhận việc Viện Kiểm sát truy tố là không oan, sai; nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người làm chứng Phạm Hữu T vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo Đồng Văn H phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 13 giờ 50 phút, ngày 28-12-2022, tại nhà bà Đào Thị T ở Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, bị cáo H lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG loại A30 của bà T có trị giá 1.300.000 đồng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn lén lút chiếm đoạt, do đó lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân. Mặc dù trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt là có cơ sở và đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất an ninh, trật tự tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm để bị cáo có ý thức tôn trọng quyền sở hữu hợp pháp của

người khác, qua đó, nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] *Về nhân thân*: Bị cáo có một tiền sự nhưng không tự nguyện chấp hành nên có nhân thân xấu.

[9] *Về hình phạt chính*: Trên cơ sở xem xét mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử chỉ cần xử phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ để giáo dục bị cáo.

[10] *Về hình phạt bổ sung*: Xét hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[11] *Về xử lý vật chứng*: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG loại A30 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho bà Thủy là đúng theo khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] *Về trách nhiệm dân sự*: Bà T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[14] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa nên đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 38, các điểm h và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đồng Văn H 09 (*Chín*) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 13 tháng 4 năm 2023.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo Đồng Văn H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đồng Văn H, bị hại Đào Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Cơ quan THAHS Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã An Thái, huyện A;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt